TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ M** TỈNH A GIAG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 196/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 31 - 7 - 2023
V/v trAh chấp "ly hôn"

NHÂN DAH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ M, TỈNH A GIAG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần QuAg ThAh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà PhA Thị Nga;

2. Ông Lê Đức Thụy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Tường Vi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ M, tỉnh A GiAg.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ M, tỉnh A GiAg tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thụy Thùy TrAg, Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ M xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 285/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2023 về trAh chấp ly hôn; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 323/2023/QĐXX-ST ngày 28 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 456/2023/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Trần Thị G, sinh năm 1968; địa chỉ: Số: 620, ấp Kiến Bình 1, xã Kiến A, huyện Chợ M, tỉnh A GiAg (có đơn xin vắng mặt);

- *Bị đơn*: Ông Huỳnh Văn K, sinh năm 1967; địa chỉ: ấp Kiến Bình 1, xã Kiến A, huyện Chợ M, tỉnh A GiAg (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, tờ tự khai nguyên đơn bà Trần Thị G *trình bày*: bà và ông K sống chung với nhau như vợ chồng vào khoảng năm 1988 vợ chồng không đăng ký kết hôn; thời giA đầu sống hạnh phúc đến tháng 8 năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn.; lý do kinh tế gia đình khó khăn nên K bỏ gia đình và vợ con; có người phụ nữ khác bên ngoài và từ năm 2014 đến nay không còn sống

chung. Nay, bà nhận thấy tình cảm hôn nhân không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với ông Huỳnh Văn K.

- *Về quA hệ con chung*: có 02 con chung, tên Huỳnh Thị Có, sinh ngày 08/7/1989 và Huỳnh Văn Tình, sinh ngày 15/4/1993 (đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết).

- Về quA hệ tài sản chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về quA hệ nợ chung: không có.

Bị đơn ông Huỳnh Văn K đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông K không gửi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị G.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quA điểm: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn sơ thẩm: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về nội dung vụ án*: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị G đối với ông Huỳnh Văn K.

- *Về quA hệ hơn nhn*: Không công nhận bà Trần Thị G với ông Huỳnh Văn K là vợ chồng.

- *Về quA hệ con chung*: có 02 con chung, tên Huỳnh Thị Có, sinh ngày 08/7/1989 và Huỳnh Văn Tình, sinh ngày 15/4/1993, đã thành niên; nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả trAh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Trần Thị G khởi kiện ly hôn với ông Huỳnh Văn K. Ông K có nơi cư trú trên địa bàn huyện Chợ M, tỉnh A GiAg. Căn cứ vào các Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nên Tòa án nhân dân huyện Chợ M thụ lý giải quyết là đúng theo thẩm quyền.

Bà Trần Thị G, (có đơn xin xét xử vắng mặt); ông Huỳnh Văn K đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do; nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà G, ông K theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Trần Thị G và ông Huỳnh Văn K 1988 sống chung với nhau như vợ chồng không đăng ký kết hôn; thời giA đầu sống hạnh phúc đến tháng 8 năm 2014 thì phát sinh mâu thuẩn; lý do kinh tế gia đình khó

khăn nên K bỏ gia đình và vợ con; có người phụ nữ khác bên ngoài và từ năm 2014 đến nay không còn sống chung.

Hội đồng xét xử xét thấy: bà Trần Thị G xin ly hôn và ông Huỳnh Văn K xác lập quA hệ vợ chồng và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1988 đến nay, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn theo pháp luật quy định; do đó hôn nhân của bà G Lệ, ông K là không hợp pháp và không được pháp luật thừa nhận bảo vệ. Căn cứ vào Điều 9 Luật hôn nhân gia đình nghĩ nên không công nhận bà Trần Thị G và ông Huỳnh Văn K là vợ chồng.

- *Về quA hệ con chung*: có 02 con chung, tên Huỳnh Thị Có, sinh ngày 08/7/1989 và Huỳnh Văn Tình, sinh ngày 15/4/1993 (đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết). Nên Hội đồng xét xử không xét đến.

- *Về quA hệ tài sản chung*: Bà Trần Thị G khởi kiện, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

- *Về quA hệ nợ chung*: Ghi nhận bà Trần Thị G trình bày không có nợ chung. Nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của bà G và ông K trong thời kỳ hôn nhân thì bà G và ông K vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[3] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào,

- Các Điều 9, 14 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình.

- Các Điều 28, 35, 146, 147, 212, 213, 227, 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ bA thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1) Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị G.

2) *Về quA hệ hôn nhân*: Không công nhận bà Trần Thị G với ông Huỳnh Văn K là vợ chồng.

3) *Về quA hệ con chung*: có 02 con chung, tên Huỳnh Thị Có, sinh ngày 08/7/1989 và Huỳnh Văn Tình, sinh ngày 15/4/1993 (đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết). Nên Hội đồng xét xử không xét đến.

- *Về quA hệ tài sản chung*: Bà Trần Thị G khởi kiện, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

5) *Về quA hệ nợ chung*: Ghi nhận bà Trần Thị G trình bày không có nợ chung. Nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của bà G và ông K trong thời kỳ hôn nhân thì bà G và ông K vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

6) *Về án phí*: Bà Trần Thị G phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm nộp án phí đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0013553 ngày 28/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh A GiAg. Bà Trần Thị G đã nộp đủ.

Ông Huỳnh Văn K không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

7) *Về quyền kháng cáo*: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh A GiAg xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt thì thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAD tỉnh A GiAg;
- VKSND huyện Chợ M;
- Chi cục THADS huyện Chợ M;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần QuAg ThAh

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH A GIAG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Chợ M, ngày 31 tháng 7 năm 2023

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Về vụ án: về trAh chấp "ly hôn" giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Trần Thị G, sinh năm 1968; địa chỉ: Số: 620, ấp Kiến Bình 1, xã Kiến A, huyện Chợ M, tỉnh A GiAg;

- *Bị đơn*: Ông Huỳnh Văn K, sinh năm 1967; địa chỉ: ấp Kiến Bình 1, xã Kiến A, huyện Chợ M, tỉnh A GiAg.

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần QuAg ThAh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà PhA Thị Nga;

2. Ông Lê Đức Thụy.

NỘI DUNG

Sau khi thảo luận, biểu quyết Hội đồng xét xử thống nhất 3/3 tất cả các nội dung sau:

Căn cứ vào,

- Các Điều 9, 14 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình.

- Các Điều 28, 35, 146, 147, 212, 213, 227, 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ bA thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1) Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị G.

2) *Về quA hệ hôn nhân*: Không công nhận bà Trần Thị G với ông Huỳnh Văn K là vợ chồng.

3) *Về quA hệ con chung*: có 02 con chung, tên Huỳnh Thị Có, sinh ngày 08/7/1989 và Huỳnh Văn Tình, sinh ngày 15/4/1993 (đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết). Nên Hội đồng xét xử không xét đến.

- *Về quA hệ tài sản chung*: Bà Trần Thị G khởi kiện, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

5) *Về quA hệ nợ chung*: Ghi nhận bà Trần Thị G trình bày không có nợ chung. Nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của bà G và ông K trong thời kỳ hôn nhân thì bà G và ông K vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

6) *Về án phí*: Bà Trần Thị G phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm nộp án phí đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0013553 ngày 28/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh A GiAg. Bà Trần Thị G đã nộp đủ.

Ông Huỳnh Văn K không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

7) *Về quyền kháng cáo*: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh A GiAg xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt thì thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

Trần QuAg ThAh

Nơi nhận:
- TAD tỉnh A GiAg;
- VKSND H. Chợ M;
- Chi cục THADS H. Chợ M;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần QuAg ThAh